

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Trình bày được khái niệm chung về giao tiếp và giao tiếp sư phạm, những phương diện của giao tiếp sư phạm như: mục đích, nội dung, chức năng, phong cách, nguyên tắc, kỹ năng giao tiếp sư phạm...
CLO2	Xác định được những năng lực cụ thể trong giao tiếp sư phạm như: năng lực nhận thức, năng lực làm chủ bản thân, năng lực điều khiển quá trình giao tiếp sư phạm...
CLO3	Phân tích được khái niệm và quy trình xử lý tình huống sư phạm
CLO4	Nhận diện và xử lý các tình huống sư phạm.
CLO5	Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản ở trường phổ thông.
CLO6	Ý thức, thái độ nghiêm túc trong học tập và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp sư phạm để hình thành phẩm chất và năng lực nghề nghiệp.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		M		R	M	R		I	R	R
CLO 2		M		M	M	M		I	R	R
CLO 3		M		M	M	R		I	R	R
CLO 4		M		M	M	R		I	R	R
CLO 5		M		M	M	M		I	R	R
CLO 6		R		R	M	R		R	M	M
Tổng hợp học phần		M		M	M	R		I	R	R

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá toàn bộ quá trình - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập lý thuyết và thực hành theo yêu cầu của giảng viên	100%	X	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Quan sát, theo dõi, điểm danh

A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 8: Chương 1. Khái niệm chung về giao tiếp và giao tiếp sư phạm Chương 2. Những phương diện của giao tiếp sư phạm	50%	X	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Tự luận, bài tập, thực hành
		A2.2. Tuần 15: Chương 3. Phát triển năng lực giao tiếp sư phạm Chương 4. Ứng dụng giải quyết các tình huống sư phạm	50%			
A3. Đánh giá cuối kỳ	65%	Chương 1. Khái niệm chung về giao tiếp và giao tiếp sư phạm Chương 2. Những phương diện của giao tiếp sư phạm Chương 3. Phát triển năng lực giao tiếp sư phạm Chương 4. Ứng dụng giải quyết các tình huống sư phạm	100%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Tự luận, vấn đáp hoặc tiểu luận

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/ b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CDR	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1. Khái niệm chung về giao tiếp và giao tiếp sư phạm 1.1. Các cách	2 LT	- Hiểu các cách tiếp cận hiện tượng giao tiếp - Trình bày được khái	CLO1	- GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Thảo	

	<p>tiếp cận hiện tượng giao tiếp</p> <p>1.2. Khái niệm giao tiếp</p> <p>1.3. Giao tiếp với tư cách một hoạt động</p> <p>1.4. Những quy luật tâm lý giao tiếp</p>		<p>niệm giao tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu giao tiếp là một hoạt động - Hiểu các quy luật tâm lý giao tiếp 		projector	<p>luận, trả lời câu hỏi của GV</p>	
2	<p>1.4. Những quy luật tâm lý giao tiếp (tiếp theo)</p> <p>1.5. Khái niệm về giao tiếp sư phạm</p> <p>1.6. Các giai đoạn của quá trình giao tiếp sư phạm</p>	2 LT	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về giao tiếp sư phạm - Hiểu và vận dụng được các giai đoạn giao tiếp sư phạm 	CLO1 CLO5	<ul style="list-style-type: none"> - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV 	
3	<p>Chương 2.</p> <p>Những phương diện của giao tiếp sư phạm</p> <p>2.1. Mục đích của giao tiếp sư phạm</p> <p>2.2. Nội dung của giao tiếp sư phạm</p> <p>2.3. Chức năng của giao tiếp sư phạm</p> <p>2.4. Hai mặt của giao tiếp sư phạm</p> <p>2.5. Phong cách giao tiếp sư phạm</p>	2 LT	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu mục đích của giao tiếp sư phạm - Trình bày được các nội dung của giao tiếp sư phạm - Phân tích được các chức năng của giao tiếp sư phạm - Hiểu tính 2 mặt của giao tiếp sư phạm - Hiểu và liên hệ được các phong cách giao tiếp sư phạm 	CLO1 CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV 	
4	<p>2.5. Phong cách giao tiếp sư phạm (tiếp theo)</p>	1 LT 1 BT		CLO1 CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Bài tập: Các phong cách giao tiếp sư phạm thể hiện như thế nào? 	

						Cần lưu ý gì khi vận dụng từng phong cách?	
5	2.6. Các phương tiện giao tiếp su phạm 2.7. Đặc trưng của giao tiếp su phạm	2 LT	- Hiểu và vận dụng được các phương tiện giao tiếp su phạm - Hiểu đặc trưng của giao tiếp su phạm	CLO1 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
6	2.8. Các nguyên tắc giao tiếp su phạm	1 LT 1 BT	- Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc giao tiếp su phạm	CLO1 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Bài tập: Trình bày các nguyên tắc giao tiếp su phạm và liên hệ hướng rèn luyện của bản thân.	
7	2.9. Kỹ năng giao tiếp su phạm	1 LT 1 BT	- Hiểu và vận dụng được các kỹ năng giao tiếp su phạm	CLO1 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Bài tập: Trình bày các kỹ năng giao tiếp su phạm và liên hệ bản thân.	
8	2.10. Những yếu tố chi phối giao tiếp su phạm Chương 3. Phát triển năng lực giao tiếp su phạm 3.1. Phát triển năng lực nhận thức trong giao tiếp su phạm	2 LT	- Xác định được các yếu tố chi phối giao tiếp su phạm - Xác định và vận dụng phát triển năng lực nhận thức trong giao tiếp su phạm	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	A2.1
9	3.1. Phát triển năng lực nhận thức trong giao	1 LT 1 BT			- GV sử dụng tài liệu	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung	

	tiếp sự phạm (tiếp) 3.2. Phát triển năng lực làm chủ bản thân trong giao tiếp sự phạm		- Xác định và vận dụng phát triển năng lực làm chủ bản thân trong giao tiếp sự phạm	CLO2 CLO5 CLO6	chính, máy tính và projector	bài học - Hoạt động trên lớp: Bài tập: Nhận diện cảm xúc và ý định, thái độ	
10	3.2. Phát triển năng lực làm chủ bản thân trong giao tiếp sự phạm (tiếp) 3.3. Phát triển năng lực điều khiển quá trình giao tiếp sự phạm	2 LT	- Xác định và vận dụng phát triển năng lực điều khiển quá trình giao tiếp sự phạm	CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
11	3.3. Phát triển năng lực điều khiển quá trình giao tiếp sự phạm (tiếp) 3.4. Phát triển các kỹ năng giao tiếp sự phạm	2 LT	- Xác định và vận dụng phát triển các kỹ năng giao tiếp sự phạm	CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
12	3.4. Phát triển các kỹ năng giao tiếp sự phạm (tiếp)	1 LT 1 BT		CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Bài tập: + Trình bày kỹ năng lắng nghe và kỹ năng đặt câu hỏi từ đó rút ra bài học sự phạm	
13	Chương 4. Ứng dụng giải quyết các tình huống sự phạm 4.1. Khái niệm về tình huống sự	1 LT 1 BT	- Hiểu được khái niệm về	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Bài tập: + Trình bày	

	phạm 4.2. Nguyên tắc giải quyết tình huống sự phạm 4.3. Các thành tố tâm lý cơ bản tham gia quá trình giải quyết tình huống sự phạm		tình huống sự phạm - Hiểu được nguyên tắc giải quyết tình huống sự phạm - Xác định được các thành tố tâm lý cơ bản tham gia quá trình giải quyết tình huống sự phạm			cách phân loại, nguyên tắc giải quyết tình huống sự phạm	
14	4.4. Kỹ năng giải quyết tình huống sự phạm 4.5. Thực hành giải quyết một số tình huống sự phạm	1 LT 1 TH	- Hiểu quy trình giải quyết tình huống sự phạm - Vận dụng giải quyết được các tình huống sự phạm	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Thực hành theo hướng dẫn.	
15	4.5. Thực hành giải quyết một số tình huống sự phạm (tiếp)	2 TH		CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học - Hoạt động trên lớp: Thực hành theo hướng dẫn, làm bài kiểm tra.	A2.2
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kỳ	-		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	-	Làm bài kiểm tra	A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bùi Văn Huệ, Nguyễn Trí, Nguyễn Trọng Hoàn, Hoàng Thị Xuân Hoa	2004	Nghệ thuật ứng xử sự phạm	ĐHSP, Hà Nội

2	Nguyễn Văn Luỹ, Lê Quang Sơn	2015	Giáo trình Giao tiếp su phạm	ĐHSP, Hà Nội
3	Nguyễn Thị Thùy Vân, Nguyễn Thị Xuân Hương	2021	Giao tiếp su phạm	Giáo trình lưu hành nội bộ, Trường ĐHQB
Sách, giáo trình tham khảo				
4	Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu	2005	300 tình huống giao tiếp su phạm	NXB Giáo dục, Hà Nội
5	Ngô Công Hoàn, Hoàng Anh	1998	Giao tiếp su phạm	NXB Giáo dục, Hà Nội
6	Lê Văn Hồng (chủ biên) Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành	1997	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học su phạm	NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7	Nguyễn Bá Minh	2013	Nhập môn khoa học giao tiếp	ĐHSP, Hà Nội
8	Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Trần Hữu Luyện, Trần Quốc Thành	2008	Giáo trình Tâm lý học đại cương (Dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng su phạm)	ĐHQG, Hà Nội.

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, C	Projector, máy tính cá nhân	01	Chương 1, 2, 3, 4,

9. Rubric đánh giá:

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Rubric 3: Tham gia thực hành (Practice Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Ý thức, thái độ	Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt	GV còn phải nhờ trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV	Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV	Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV	Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV	30%
Thực hiện nhiệm vụ được giao	Không hoàn thành (<30%)	Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành	Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành	Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành	Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành	70%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

**KT. Trưởng bộ môn
Phó Trưởng bộ môn**

Người biên soạn

TS. Dương Thị Ánh Tuyết

ThS. Hoàng Thị Tường Vi

ThS. Nguyễn Thị Thuỳ Vân